TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 170/2020/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Cửu, ngày 21 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 222/2020/TLST-HNGĐ ngày 29/6/2020, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", giữa:

N đơn: Chị Danh Thị Bạch D, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện V, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh Lê Văn V, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện V, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Danh Thị Bạch D và anh Lê Văn V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể N1 sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Danh Thị Bạch D và anh Lê Văn V thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị D và anh V có 02 con chung tên là Lê Thị Tố N, sinh ngày 30/01/2003 và Lê Thị Quỳnh N1, sinh ngày 17/02/2011. Ly hôn hai bên thỏa thuận giao 02 con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng). Tổng cộng hai con là 2.000.00đ/tháng

(hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh V được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị D tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003074 ngày 06/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Chị D đã nộp đủ án phí.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh V không cấp dưỡng nuôi con với số tiền N1 thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

Nguyễn Đức Đại